

Số: 1955929

|                                            | New Mazda CX-3 1.5L Premium                  | Mazda CX-5 2.0L Deluxe                        |
|--------------------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                       | <b>659.000.000đ</b>                          | <b>749.000.000đ</b>                           |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>            |                                              |                                               |
| Kích thước tổng thể (mm)                   | 4275 x 1765 x 1535                           | 4590 x 1845 x 1680                            |
| Chiều dài cơ sở (mm)                       | 2570                                         | 2700                                          |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)          | 5300                                         | 5500                                          |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                    | 155                                          | 200                                           |
| Khối lượng không tải (kg)                  | 1210                                         | 1550                                          |
| Khối lượng toàn tải (kg)                   | 1660                                         | 2000                                          |
| Thể tích khoang hành lý (L)                | 350                                          | 442                                           |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)             | 48                                           | 56                                            |
| Số chỗ ngồi                                | 5                                            | 5                                             |
| Nguồn gốc                                  | Nhập Khẩu                                    | SX-LR trong nước                              |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>               |                                              |                                               |
| Loại động cơ                               | Skyactiv-G 1.5L                              | 2.0L Skyactive - G                            |
| Dung tích xi lanh (cc)                     | 1496                                         | 1998                                          |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)               | 110 / 6000                                   | 154 / 6000                                    |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)              | 144 / 4000                                   | 200 / 4000                                    |
| Hộp số                                     | 6AT                                          | 6AT                                           |
| Hệ thống dẫn động                          | Cầu trước (FWD)                              | Cầu trước (FWD)                               |
| Hệ thống treo trước                        | Độc lập Mc Pherson                           | Độc lập Mc Pherson                            |
| Hệ thống treo sau                          | Thanh xoắn                                   | Liên kết đa điểm                              |
| Hệ thống phanh trước                       | Đĩa                                          | Đĩa                                           |
| Hệ thống phanh sau                         | Đĩa                                          | Đĩa                                           |
| Thông số lốp xe                            | 215/50 R18                                   | 225/55 R19                                    |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)       | 8.74                                         | 8.6                                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km) | 5.07                                         | 6.1                                           |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)      | 6.31                                         | 7                                             |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh | ●                                            | ●                                             |
| Chế độ lái                                 | Normal/Sport                                 | Normal / Sport                                |
| Trang bị khác                              | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao GVC Plus | Hệ thống kiểm soát gia tốc nâng cao(GVC Plus) |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                         |                                              |                                               |
| Cụm đèn trước                              | LED                                          | LED                                           |
| Đèn trước tự động bật/tắt                  | -                                            | ●                                             |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần       | -                                            | -                                             |
| Đèn ban ngày LED                           | LED                                          | ●                                             |
| Đèn sương mù                               | LED                                          | LED                                           |
| Cụm đèn sau                                | LED                                          | LED                                           |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện       | ●                                            | ●                                             |
| Gạt mưa tự động                            | -                                            | ●                                             |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>               |                                              |                                               |
| Vô lăng bọc da                             | ●                                            | ●                                             |
| Chất liệu ghế                              | Da                                           | Da                                            |
| Ghế người lái chỉnh cơ                     | ●                                            | -                                             |

|                                    |                  |                  |
|------------------------------------|------------------|------------------|
| Ghế hành khách phía trước chỉnh cơ | ●                | ●                |
| Kính cửa sổ chỉnh điện             | ●                | ●                |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin      | Analog & Digital | Analog & Digital |
| Màn hình giải trí trung tâm        | 7"               | 8"               |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto | ●                | ●                |
| Hệ thống điều hòa tự động          | Chỉnh cơ         | ●                |
| Số vùng khí hậu điều hòa           | 1                | 2                |
| Chìa khóa thông minh               | ●                | ●                |
| Khởi động nút bấm                  | ●                | ●                |
| Hệ thống âm thanh                  | 6 loa            | 6 loa            |
| Phanh đỗ điện tử                   | ●                | ●                |
| Giữ phanh tự động Autohold         | ●                | ●                |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX         | ●                | ●                |

#### **AN TOÀN:**

|                                            |                |             |
|--------------------------------------------|----------------|-------------|
| Số túi khí                                 | 6              | 6           |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS           | ●              | ●           |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD           | ●              | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA          | ●              | ●           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS       | ●              | ●           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                  | ●              | ●           |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS | ●              | ●           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA    | ●              | ●           |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa            | ●              | ●           |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm               | ●              | ●           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                      | Sau            | Trước & Sau |
| Hệ thống điều khiển hành trình             | Cruise control |             |
| Camera lùi                                 | ●              | ●           |